

Số: .../2018/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

DỰ THẢO LẦN 3

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chí đánh giá tuân thủ và tổ chức đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý thuế số ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ - CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 45/2016/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan;

Căn cứ Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 124/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật và tổ chức đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

1. Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa (sau đây gọi chung là hoạt động xuất nhập khẩu);
2. Tổ chức đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu;
3. Áp dụng mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.
2. Cơ quan hải quan.
3. Các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đánh giá tuân thủ pháp luật* của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu là việc cơ quan hải quan tiến hành thu thập, phân tích, xác minh, đối chiếu thông tin về quá trình hoạt động và chấp hành pháp luật về hải quan của doanh nghiệp với các chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật để phân loại mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.
2. *Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật* là các tiêu chuẩn được ban hành để đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật về hải quan của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.
3. *Chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật* là các chỉ tiêu thông tin mang giá trị của tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật.

4. *Mức độ tuân thủ pháp luật* là kết quả đánh giá phân loại của cơ quan hải quan về chấp hành pháp luật của doanh nghiệp trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu.

Điều 4. Nguyên tắc đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Việc đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện công khai, minh bạch theo các tiêu chí và chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư này.

2. Việc đánh giá tuân thủ pháp luật được thực hiện hàng ngày trên cơ sở thường xuyên cập nhật thông tin về quá trình hoạt động và chấp hành pháp luật về hải quan của doanh nghiệp.

3. Cơ quan hải quan ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu để đảm bảo việc đánh giá được khách quan, chính xác và kịp thời.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân loại mức độ tuân thủ pháp luật doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Cơ quan hải quan đánh giá phân loại tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo các mức độ dưới đây:

a) Doanh nghiệp tuân thủ mức 1: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan ở mức độ cao;

b) Doanh nghiệp tuân thủ mức 2: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan ở mức độ trung bình;

c) Doanh nghiệp tuân thủ mức 3: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan ở mức độ thấp;

d) Doanh nghiệp tuân thủ mức 4: là doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá không tuân thủ pháp luật về hải quan.

2. Việc đánh giá, công nhận doanh nghiệp ưu tiên được quy định tại Thông tư riêng của Bộ Tài chính.

3. Cơ quan hải quan không thực hiện đánh giá phân loại tuân thủ pháp luật đối với doanh nghiệp thuộc các trường hợp dưới đây:

- a) Doanh nghiệp không có hoạt động xuất nhập khẩu;
- b) Ngày đăng ký tờ khai hải quan đầu tiên của doanh nghiệp lần đầu hoạt động xuất nhập khẩu;
- c) Doanh nghiệp giải thể, phá sản, bị thu hồi Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngừng hoạt động, tạm ngừng hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 1 khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí dưới đây:

a) Doanh nghiệp (và/hoặc chủ doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) không bị xử lý về các hành vi vi phạm tại các Mục I, Mục II, Mục III, Mục IV Phụ lục 2 Danh mục hành vi vi phạm, lỗi áp dụng trong đánh giá tuân thủ đối với doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu (*sau đây gọi tắt là danh mục hành vi*) ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

b) Doanh nghiệp không thuộc các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:

b.1) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 1\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.2) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 2\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.3) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa $\geq 2\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.4) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa $\geq 2\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.5) Đã từng từ chối nhận hàng hóa nhập khẩu sau khi đã đăng ký tờ khai hải quan.

c) Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá và/hoặc chưa từng nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày, với số tiền nợ > 50

triệu đồng, đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

d) Doanh nghiệp đang hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký.

đ) Doanh nghiệp hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

e) Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất nhập khẩu trên 365 ngày và có trên 365 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

2. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 2 khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí dưới đây:

a) Nội dung điểm c, d, đ khoản 1 Điều này;

b) Doanh nghiệp (và/hoặc chủ doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) không bị xử lý về các hành vi vi phạm tại các Mục I, Mục II, Mục III Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

c) Doanh nghiệp không thuộc các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:

c.1) Bị xử phạt ≥ 02 lần về các hành vi vi phạm tại Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này;

c.2) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục IV và Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 2\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

c.3) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 3\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

c.4) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa $\geq 3\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

c.5) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa $\geq 3\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

c.6) Đã từng từ chối nhận hàng hóa nhập khẩu sau khi đã đăng ký tờ khai hải quan.

d) Doanh nghiệp có thời gian hoạt động xuất nhập khẩu trên 365 ngày và có trên 100 tờ khai xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa đã được thông quan trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

3. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 3 khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí dưới đây:

a) Nội dung điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này;

b) Doanh nghiệp không thuộc các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:

b.1) Bị xử phạt ≥ 03 lần về các hành vi vi phạm tại Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này;

b.2) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục IV và Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 3\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.3) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 4\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.4) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa $\geq 4\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.5) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa $\geq 4\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá.

đ) Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa trước thời điểm đánh giá.

4. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được đánh giá là doanh nghiệp tuân thủ Mức 4 khi thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

a) Doanh nghiệp (và/hoặc chủ doanh nghiệp, người đại diện của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật) bị xử lý về các hành vi vi phạm tại Mục I, Mục II và Mục III Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá.

b) Doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau đây, trong thời gian 365 ngày liên tiếp trở về trước tính từ ngày đánh giá:

b.1) Bị xử phạt ≥ 03 lần về các hành vi vi phạm tại Mục IV Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này;

b.2) Tổng số lần bị xử phạt về các hành vi vi phạm tại Mục IV và Mục V Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 3\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.3) Tổng số lần bị lỗi về các hành vi tại Mục VI Danh mục hành vi ban hành kèm theo Thông tư này $\geq 4\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.4) Số lượng tờ khai được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng làm thay đổi nội dung khai hải quan về: chính sách quản lý hàng hóa; chủng loại hàng hóa; số tiền thuế phải nộp; số lượng dòng hàng; xuất xứ; số lượng hàng hóa $\geq 4\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp;

b.5) Số lần hủy tờ khai phải kiểm tra hồ sơ và/hoặc kiểm tra thực tế hàng hóa $\geq 4\%$ trên tổng số tờ khai đã thông quan của doanh nghiệp.

c) Doanh nghiệp còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quá thời hạn 90 ngày đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kể từ ngày hết thời hạn nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt tại thời điểm đánh giá.

d) Doanh nghiệp không hoạt động tại địa chỉ trụ sở đăng ký.

Điều 7. Quản lý, áp dụng tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật được ban hành công khai và thông tin rộng rãi đến doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật được xác định cụ thể theo các chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan hải quan thực hiện:

a) Cập nhật, quản lý bộ chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật trên hệ thống thông tin quản lý rủi ro;

b) Tổ chức hệ thống thông tin theo nội dung các chỉ số tiêu chí tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này để đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu;

b) Theo dõi, đánh giá, đề xuất điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung tiêu chí và chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật phù hợp với yêu cầu quản lý hải quan trong từng thời kỳ.

Điều 8. Thu thập, xác minh, quản lý thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được chi tiết tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo thông tư này, bao gồm:

- a) Thông tin về tên, mã số thuế doanh nghiệp;
- b) Thông tin về địa chỉ trụ sở đăng ký hoạt động;
- c) Thông tin về chủ doanh nghiệp, người đại theo pháp luật của doanh nghiệp;
- d) Thông tin về doanh nghiệp giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép, ngừng hoạt động, tạm ngừng hoạt động;
- đ) Thông tin về thời gian hoạt động xuất nhập khẩu;
- e) Thông tin về tần suất hoạt động xuất nhập khẩu;
- g) Thông tin về số lượng, tần suất hủy tờ khai;
- h) Thông tin về số lượng, tần suất khai bổ sung;
- i) Thông tin về chấp hành pháp luật thuế trong lĩnh vực quản lý của cơ quan hải quan;
- k) Thông tin về chấp hành pháp luật thuế trong lĩnh vực quản lý của cơ quan thuế;
- m) Thông tin về xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh của cơ quan hải quan;
- n) Thông tin về xử lý vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh của cơ quan chức năng khác;
- o) Thông tin về xử lý vi phạm đối với doanh nghiệp của cơ quan thuế;
- p) Thông tin từ chối nhận hàng hóa nhập khẩu;
- q) Thông tin ấn định thuế đối với doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu;
- r) Thông tin nộp kết quả kiểm tra chuyên ngành;
- s) Thông tin nộp báo cáo quyết toán theo quy định của pháp luật;
- t) Thông tin về hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ;
- u) Thông tin khác có liên quan.

2. Cơ quan hải quan xây dựng cơ sở dữ liệu hồ sơ doanh nghiệp để tạo lập hồ sơ, tích hợp, cập nhật, quản lý thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu, cụ thể:

a) Hệ thống tự động rà soát, tạo lập hồ sơ doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo các chỉ tiêu thông tin tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này. Đối với doanh nghiệp lần đầu hoạt động xuất nhập khẩu, việc tạo lập hồ sơ doanh nghiệp được hệ thống tự động thực hiện tại thời điểm 00 giờ ngày tiếp theo của ngày đăng ký tờ khai hàng hóa xuất nhập khẩu đầu tiên.

b) Định kỳ hàng ngày, hệ thống tự động rà soát, tích hợp cập nhật bổ sung vào hồ sơ doanh nghiệp những nội dung thông tin mới thay đổi từ các hệ thống thông tin, dữ liệu liên quan ở trong và ngoài ngành Hải quan.

c) Công chức hải quan thực hiện cập nhật thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này.

3. Thu thập, cập nhật thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu:

a) Nội dung, nguồn thông tin và phương pháp thu thập thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được chi tiết tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Việc tiếp nhận thông tin doanh nghiệp cung cấp phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật được quy định cụ thể tại Điều 9 Thông tư này.

4. Thẩm định thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu:

a) Cơ quan hải quan thực hiện thẩm định thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu trong các trường hợp sau:

a.1) Sau khi tiếp nhận thông tin từ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân cung cấp;

a.2) Sau khi tiếp nhận bản đăng ký tự nguyện tham gia Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật quy định tại điểm b.2.2 khoản 2 Điều 12 Thông tư này;

a.3) Theo đề nghị, phản ánh vướng mắc liên quan đến đánh giá tuân thủ của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu;

a.4) Lựa chọn thẩm định ngẫu nhiên theo từng mức độ tuân thủ của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

b) Việc thẩm định thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện như sau:

b.1) Công chức quản lý rủi ro thuộc Cục Quản lý rủi ro, Cục Hải quan tỉnh, thành phố thực hiện đối chiếu nội dung thông tin đánh giá tuân thủ với các thông tin tương tự hiện có trên hệ thống và các thông tin có liên quan để xác định tính chính xác, đầy đủ của nội dung thông tin;

b.2) Xác minh thông tin theo quy định tại khoản 5 Điều này đối với trường hợp nội dung thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu đã thay đổi hoặc không đầy đủ, chính xác.

c) Kết quả thẩm định thông tin được báo cáo và phê duyệt của người có thẩm quyền tại khoản 6 Điều này và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu hồ sơ doanh nghiệp trong trường hợp kết quả thẩm định thông tin có sự thay đổi so với nội dung thông tin đánh giá tuân thủ trước đó.

5. Xác minh thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu:

a) Việc xác minh thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện trong các trường hợp sau:

a.1) Điểm b.2 khoản 4 Điều này;

a.2) Doanh nghiệp tuân thủ rủi ro cao hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật về hải quan.

b) Việc xác minh thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

b.1) Đơn vị Hải quan các cấp gửi văn bản đề nghị xác nhận thông tin theo phiếu xác minh (Mẫu số 02) ban hành kèm theo Thông tư này;

b.2) Công chức hải quan trực tiếp đến làm việc và đề nghị xác nhận thông tin theo phiếu xác minh (Mẫu số 02) ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Nội dung thông tin cần xác minh được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Kết quả xác minh thông tin được báo cáo và phê duyệt của người có thẩm quyền tại khoản 6 Điều này và được cập nhật vào cơ sở dữ liệu hồ sơ doanh nghiệp trong trường hợp kết quả xác minh thông tin có sự thay đổi so với nội dung thông tin đánh giá tuân thủ trước đó.

6. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phân công nhiệm vụ, hướng dẫn đơn vị hải quan các cấp tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật, quản lý thông tin

phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo nội dung quy định tại Điều này.

Cục trưởng Cục Quản lý rủi ro, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố tổ chức, phân công nhiệm vụ thực hiện thẩm định, xác minh thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ quy định tại Điều này và thực hiện phê duyệt kết quả thẩm định, xác minh thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ quy định tại điểm c khoản 4, điểm d khoản 5 Điều này.

Điều 9. Hợp tác trao đổi cung cấp thông tin của doanh nghiệp với cơ quan hải quan phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật

1. Doanh nghiệp hợp tác trao đổi cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật trong các trường hợp sau:

- a) Doanh nghiệp mới tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.
- b) Khi có sự thay đổi thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.
- c) Cơ quan hải quan đề nghị doanh nghiệp cung cấp trong các trường hợp:
 - c.1) Thiếu thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ theo quy định tại Thông tư này;
 - c.2) Thẩm định, xác minh nội dung thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ, quy định tại khoản 4, khoản 5 **Điều 8** Thông tư này;
 - c.3) Cung cấp thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b.2.2 khoản 2 Điều 12 Thông tư này.

2. Doanh nghiệp cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan được thực hiện qua Cổng thông tin điện tử hải quan, cụ thể như sau:

- a) Nhập nội dung thông tin cần cung cấp tại khoản 1 Điều này vào giao diện, theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, và kiểm tra xác nhận hoàn thành việc gửi thông tin trên Cổng thông tin điện tử hải quan;
- b) Nội dung thông tin cung cấp cần đầy đủ, rõ ràng; doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp;
- c) Tiếp nhận phản hồi của cơ quan hải quan về việc tiếp nhận và kết quả xử lý thông tin; cung cấp bổ sung hoặc làm rõ các nội dung thông tin trong trường hợp cơ quan hải quan yêu cầu, theo quy định tại điểm b.3 khoản 3 Điều này.

3. Cơ quan hải quan tiếp nhận, xử lý thông tin doanh nghiệp cung cấp như sau:

a) Quản lý Cổng thông tin điện tử hải quan phục vụ tiếp nhận, phản hồi thông tin doanh nghiệp cung cấp, cụ thể:

a.1) Cấp quyền tài khoản cho phép doanh nghiệp truy cập, truyền nhận thông tin;

a.2) Tự động xác nhận hoàn thành việc gửi thông tin trên Cổng thông tin điện tử hải quan;

a.3) Kết nối truyền nhận thông tin giữa Cổng thông tin điện tử hải quan và cơ sở dữ liệu hồ sơ doanh nghiệp;

a.4) Đảm bảo an ninh, an toàn và bảo mật thông tin dữ liệu trao đổi cung cấp thông tin giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở đăng ký kinh doanh phân công công chức quản lý rủi ro thường xuyên tiếp nhận, xử lý thông tin doanh nghiệp cung cấp trên Cổng thông tin điện tử hải quan, cụ thể như sau:

b.1) Tiếp nhận và thẩm định thông tin doanh nghiệp cung cấp. Việc thẩm định thông tin được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

b.2) Cập nhật kết quả thẩm định thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp.

Trường hợp thông tin chưa đầy đủ hoặc có sự sai lệch với thông tin hiện có trên hệ thống, đề nghị doanh nghiệp cung cấp bổ sung hoặc làm rõ nội dung thông tin theo điểm b.3 khoản này trước khi cập nhật thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp.

b.3) Phản hồi cho doanh nghiệp thông tin, thời gian không quá 3 ngày làm việc, cụ thể:

b.3.1) Công chức nhập nội dung phản hồi: “*Đã tiếp nhận; Thông tin đã được cập nhật sử dụng để đánh giá tuân thủ pháp luật*”, đối với trường hợp thông tin doanh nghiệp cung cấp phù hợp với thông tin trên hệ thống hoặc phù hợp với yêu cầu đề nghị cung cấp của cơ quan hải quan;

b.3.2) Công chức nhập nội dung phản hồi: “*Đã tiếp nhận; đề nghị bổ sung thông tin... (hoặc làm rõ thông tin...)*”, đối với trường hợp thông tin chưa đầy đủ hoặc có sự sai lệch với thông tin hiện có trên hệ thống, đề nghị doanh nghiệp cung cấp bổ sung hoặc làm rõ nội dung thông tin theo điểm b.3 khoản này trước khi cập nhật thông tin vào hồ sơ doanh nghiệp.

4. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan hướng dẫn cụ thể việc hợp tác trao đổi cung cấp thông tin với doanh nghiệp phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật đối với đơn vị hải quan các cấp theo nội dung quy định tại Điều này.

Điều 10. Đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Cơ quan hải quan quản lý, áp dụng tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật, theo nội dung Điều 7 Thông tư này; Ứng dụng hệ thống thông tin quản lý rủi ro để tự động đánh giá phân loại doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo các mức độ tuân thủ pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

2. Việc đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu được thực hiện định kỳ vào 00 giờ hàng ngày tại Tổng cục Hải quan; trên cơ sở hệ thống thông tin quản lý rủi ro tự động tích hợp, xử lý dữ liệu từ hồ sơ doanh nghiệp và các hệ thống thông tin, dữ liệu hải quan có liên quan, theo chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này; đưa ra danh sách doanh nghiệp theo từng mức độ tuân thủ pháp luật.

Kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật được thông báo trên hệ thống thông tin quản lý rủi ro sau mỗi lần đánh giá. Mỗi doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu thuộc diện đánh giá có kết quả phân loại theo một mức độ tuân thủ pháp luật duy nhất tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này.

3. Cục trưởng Cục Quản lý rủi ro thực hiện quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin quản lý rủi ro đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 11. Thẩm định kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Cơ quan hải quan áp dụng biện pháp kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa trong thực hiện thủ tục hải quan theo mức độ tuân thủ của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu, quy định tại Điều 13 Thông tư này và kiểm tra sau thông quan theo quy định tại khoản 3 Điều 78 Luật hải quan, Điều 13 Thông tư này để thẩm định kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

2. Việc thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hóa trong thực hiện thủ tục hải quan và kiểm tra sau thông quan được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Kết quả kiểm tra phải được cập nhật vào hệ thống ngay sau khi kết thúc cuộc kiểm tra để phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật.

3. Cơ quan hải quan căn cứ vào chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này và thông tin kết quả kiểm tra tại khoản 2 Điều này để đánh giá, điều chỉnh mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

Điều 12. Hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về hải quan

1. Cơ quan hải quan hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ pháp luật về hải quan bằng các hoạt động dưới đây:

a) Công khai và thông tin rộng rãi đến doanh nghiệp về tiêu chí đánh giá tuân thủ, mức độ tuân thủ của doanh nghiệp; giải đáp và trả lời các thông tin liên quan đến đánh giá phân loại mức độ tuân thủ của doanh nghiệp.

b) Cung cấp công cụ qua hệ thống để hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, cụ thể:

b.1) Doanh nghiệp có thể tra cứu mức độ tuân thủ pháp luật và lý do phân loại mức độ tuân thủ pháp luật;

b.2) Doanh nghiệp có thể trao đổi, cung cấp, phản hồi thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ và phản ánh các vướng mắc, kiến nghị liên quan đến đánh giá tuân thủ pháp luật và áp dụng biện pháp quản lý của cơ quan hải quan.

c) Cơ quan hải quan cung cấp thông tin, cảnh báo rủi ro, hướng dẫn doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật về hải quan, trong các trường hợp:

c.1) Doanh nghiệp tuân thủ có vi phạm pháp luật về hải quan nhưng chưa đến mức bị đưa vào danh sách doanh nghiệp không tuân thủ;

c.2) Doanh nghiệp tuân thủ có nguy cơ vi phạm pháp luật về hải quan do thiếu hiểu biết hoặc hạn chế về năng lực hoạt động xuất nhập khẩu;

c.3) Doanh nghiệp đề nghị cung cấp thông tin về kết quả phân loại mức độ tuân thủ pháp luật hoặc các vấn đề vướng mắc có liên quan.

d) Cơ quan hải quan xác minh hoặc đề nghị doanh nghiệp cung cấp bổ sung thông tin liên quan đến đánh giá tuân thủ pháp luật.

đ) Cơ quan hải quan tổ chức các chương trình quan hệ đối tác, biên bản ghi nhớ, hội nghị đối thoại, hội thảo, đào tạo, giúp doanh nghiệp nâng cao sự hiểu biết và tuân thủ pháp luật về hải quan; tiếp nhận giải quyết các vướng mắc liên quan đến tuân thủ pháp luật và áp dụng biện pháp quản lý của cơ quan hải quan.

2. Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật để định hướng, khuyến khích doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ pháp luật về hải quan và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu.

a) Đối tượng được tham gia Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật bao gồm tất cả các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu tự nguyện đăng ký tham gia chương trình.

b) Nội dung Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật bao gồm:

b.1) Doanh nghiệp đăng ký tự nguyện tham gia Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật qua Cổng thông tin điện tử hải quan;

b.2) Cơ quan hải quan thực hiện:

b.2.1) Tiếp nhận, phản hồi cho doanh nghiệp biết đã tiếp nhận bản đăng ký tự nguyện tham gia Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật;

b.2.2) Rà soát, thẩm định thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ; Trường hợp thông tin hồ sơ doanh nghiệp chưa đầy đủ, cơ quan hải quan gửi phiếu qua Cổng thông tin điện tử hải quan (hoặc qua hộp thư điện tử doanh nghiệp cung cấp khi đăng ký) đề nghị doanh nghiệp cung cấp bổ sung thông tin;

b.2.3) Công nhận doanh nghiệp là thành viên của Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật;

b.2.4) Theo dõi, hỗ trợ thành viên của Chương trình:

i) Hướng dẫn, cung cấp thông tin, công cụ giúp doanh nghiệp tự đánh giá và nâng cao năng lực tuân thủ;

ii) Tạo thuận lợi thương mại, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

b.2.5) Định kỳ hàng năm tổ chức biểu dương, khen thưởng, công nhận doanh nghiệp tin cậy đối với các doanh nghiệp liên tục được cơ quan hải quan đánh giá tuân thủ pháp luật về hải quan ở mức độ cao (doanh nghiệp tuân thủ mức 1).

c) Nghĩa vụ của doanh nghiệp khi tham gia Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật:

c.1) Nộp đơn đăng ký tham gia chương trình theo hướng dẫn của Tổng cục Hải quan;

c.2) Hợp tác cung cấp thông tin phục vụ đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp;

c.3) Chấp hành pháp luật và các quy định của ngành Hải quan.

c.4) Kê khai và kịp thời khắc phục các lỗi, vi phạm trong thực hiện thủ tục hải quan.

d) Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan

d.1) Xây dựng và ban hành Quyết định triển khai Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật;

d.2) Tuyên truyền phổ biến rộng rãi Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật trên Công thông tin điện tử hải quan, các phương tiện thông tin đại chúng và đến các hiệp hội doanh nghiệp;

d.3) Tổ chức, phân công nhiệm vụ, hướng dẫn, kiểm tra đơn vị hải quan thực hiện Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật;

d.4) Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết đánh giá, điều chỉnh nội dung Chương trình khuyến khích tuân thủ pháp luật phù hợp với yêu cầu thực tế.

Điều 13. Áp dụng các biện pháp quản lý hải quan theo mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Doanh nghiệp tuân thủ Mức 1 được cơ quan hải quan tạo thuận lợi, giảm hình thức, mức độ kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu, cụ thể:

a) Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn kiểm tra trong thực hiện thủ tục hải quan theo các kết quả phân tích, đánh giá rủi ro:

a.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ không quá 3% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng;

a.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa không quá 1% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng.

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan như sau:

b.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ với số lượng không quá 15 tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm;

b.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa với số lượng không quá 10 tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm.

c) Kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp không quá 1 lần trong 3 năm liên tiếp.

d) Thực hiện soi chiếu trước khi thực hiện thủ tục hải quan đối với các lô hàng rủi ro.

đ) Doanh nghiệp và đối tác mua bán hàng hóa của doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ được thực hiện giao nhận hàng hóa trước,

khai báo hải quan sau theo quy định tại khoản 6 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (*sau đây viết tắt là Thông tư 38/2015/TT-BTC*);

e) Được miễn giám sát việc lấy mẫu kiểm tra chuyên ngành trong địa bàn hoạt động hải quan, theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ (*sau đây viết tắt là Nghị định số 59/2018/NĐ-CP*) về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (*sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2015/NĐ-CP*).

g) Được ưu tiên thực hiện trước việc xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá theo quy định tại Điều 28 Luật hải quan; Điều 23, Điều 24 Nghị định 08/2015/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 7 Điều 24 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Trường hợp doanh nghiệp có yêu cầu xem hàng hóa trước khi thực hiện thủ tục hải quan hoặc lấy mẫu thì được ưu tiên làm thủ tục trước, lấy mẫu trước theo quy định tại Điều 18 Luật hải quan, được hướng dẫn cụ thể tại Điều 17 Thông tư 38/2015/TT-BTC.

Trường hợp doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình làm thủ tục hải quan, được Chi cục Hải quan trả lời doanh nghiệp bằng văn bản trong thời gian 08 giờ làm việc kể từ thời điểm Chi cục Hải quan nhận được báo cáo vướng mắc của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp tuân thủ Mức 2 được cơ quan hải quan tạo thuận lợi, giảm hình thức, mức độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu, cụ thể:

a) Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn kiểm tra trong thực hiện thủ tục hải quan theo các kết quả phân tích, đánh giá rủi ro:

a.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ không quá 5% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng;

a.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa không quá 2% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng.

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra đánh giá tuân thủ của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan như sau:

b.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ với số lượng không quá 30 tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm;

b.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa với số lượng không quá 20 tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm.

c) Doanh nghiệp và đối tác mua bán hàng hóa của doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ được thực hiện giao nhận hàng hóa trước, khai báo hải quan, tương tự điểm đ khoản 1 Điều này.

d) Giám sát việc lấy mẫu kiểm tra chuyên ngành trong địa bàn hoạt động hải quan, theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP đối với doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá rủi ro cao.

3. Doanh nghiệp tuân thủ Mức 3 được cơ quan hải quan tạo thuận lợi, giảm hình thức, mức độ kiểm tra, giám sát hải quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu, cụ thể:

a) Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn kiểm tra trong thực hiện thủ tục hải quan theo các kết quả phân tích, đánh giá rủi ro:

a.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ không quá 10% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng;

a.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa không quá 5% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng.

b) Cục Hải quan tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra đánh giá tuân thủ của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan như sau:

b.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ với số lượng không quá 50 tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm;

b.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa với số lượng không quá 30 tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm.

c) Doanh nghiệp và đối tác mua bán hàng hóa của doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động xuất nhập khẩu tại chỗ được thực hiện giao nhận hàng hóa trước, khai báo hải quan, tương tự điểm đ khoản 1 Điều này.

d) Giám sát việc lấy mẫu kiểm tra chuyên ngành trong địa bàn hoạt động hải quan, theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP đối với doanh nghiệp được cơ quan hải quan đánh giá rủi ro trung bình và rủi ro cao.

4. Cơ quan hải quan tăng cường áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan đối với hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp tuân thủ Mức 4, cụ thể:

a) Tổng cục Hải quan và Cục Hải quan các tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn kiểm tra trong thực hiện thủ tục hải quan theo các kết quả phân tích, đánh giá rủi ro:

a.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ tối thiểu 20% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng;

a.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa tối thiểu 10% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong khoảng thời gian áp dụng.

b) Cục Hải quan các tỉnh, thành phố áp dụng lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra đánh giá tuân thủ của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan như sau:

b.1) Kiểm tra trực tiếp hồ sơ với số lượng tối thiểu 20% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm;

b.2) Kiểm tra thực tế hàng hóa với số lượng tối thiểu 10% trên tổng số tờ khai hải quan hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp trong 1 năm.

c) Kiểm tra sau thông quan đối với các dấu hiệu rủi ro, dấu hiệu vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

d) Giám sát chặt chẽ việc lấy mẫu kiểm tra chuyên ngành trong địa bàn hoạt động hải quan, theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

đ) Tăng cường thu thập thông tin, phân tích rủi ro hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp; Giám sát, kiểm tra chặt chẽ quá trình thực hiện các thủ tục hải quan khác đối với hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

5. Việc áp dụng các biện pháp quản lý hải quan theo mức độ tuân thủ của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu quy định tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này không được áp dụng trong trường hợp cơ quan hải quan phát hiện có dấu hiệu vi phạm trong hoạt động xuất nhập khẩu hoặc các văn bản pháp luật về hải quan có quy định khác.

6. Cục Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm điều phối, hướng dẫn áp dụng thống nhất trong phạm vi toàn ngành việc lựa chọn kiểm tra trong thực hiện thủ tục hải quan theo các kết quả phân tích, đánh giá rủi ro quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.

Cục Hải quan tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm điều phối, hướng dẫn áp dụng thống nhất trong phạm vi Cục Hải quan việc lựa chọn ngẫu nhiên để kiểm tra đánh giá tuân thủ của doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan quy định

tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều này.

Điều 14. Quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hải quan trong đánh giá tuân thủ doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Cơ quan hải quan có những quyền hạn sau đây:

a) Tham mưu, trình Bộ Tài chính ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chí và chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

b) Tổ chức đánh giá và công nhận kết quả đánh giá phân loại mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

c) Áp dụng các biện pháp quản lý hải quan theo mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu, quy định tại Điều 13 Thông tư này.

2. Cơ quan hải quan có trách nhiệm thực hiện những nội dung sau đây:

a) Thực hiện phân cấp của Bộ Tài chính về quản lý, áp dụng tiêu chí và chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

b) Thực hiện đánh giá tuân thủ và áp dụng phù hợp các biện pháp quản lý hải quan theo mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

c) Thực hiện hỗ trợ và khuyến khích doanh nghiệp tuân thủ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và các quy định của văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu

1. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu có những quyền lợi sau đây:

a) Được thông báo mức độ tuân thủ; được quyền đề nghị cơ quan hải quan trả lời về lý do phân loại mức độ tuân thủ và/hoặc điều chỉnh mức độ tuân thủ theo tiêu chí và chỉ số tiêu chí đánh giá tuân thủ quy định tại Thông tư này.

b) Được cơ quan hải quan tạo thuận lợi trong việc áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp với mức độ tuân thủ, quy định tại Điều 13 Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Được cơ quan hải quan cung cấp thông tin, các điều kiện, công cụ hỗ trợ, khuyến khích nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, quy định tại Điều 12 Thông tư này.

2. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu có những nghĩa vụ thực hiện những nội dung sau đây:

a) Chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về hải quan trong hoạt động xuất nhập khẩu.

b) Hợp tác với cơ quan hải quan trong việc thực hiện các biện pháp quản lý hải quan theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

c) Hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin để phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật theo quy định tại Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào các nội dung quy định tại Thông tư này để ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện thống nhất trong toàn ngành Hải quan.

2. Tổng cục Thuế có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Hải quan trong việc trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật theo quy định tại Thông tư này và các văn bản quy định khác có liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị chức năng thuộc Bộ Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan hải quan để phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

4. Cục Quản lý rủi ro chịu trách nhiệm đầu mối, chủ trì giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan tổ chức thu thập, xử lý thông tin, quản lý, áp dụng tiêu chí, đánh giá tuân thủ pháp luật và áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp với mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Các đơn vị thuộc cơ quan Tổng cục có trách nhiệm phối hợp với Cục Quản lý rủi ro trong việc tổ chức thực hiện thống nhất, có hiệu quả việc đánh giá tuân thủ và áp dụng các biện pháp quản lý hải quan phù hợp với mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu.

6. Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp thực hiện đánh giá tuân thủ pháp luật và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hải

quan phù hợp với mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

7. Doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu có trách nhiệm hợp tác với cơ quan hải quan trong việc cung cấp thông tin để phục vụ đánh giá tuân thủ pháp luật và thực hiện các biện pháp quản lý hải quan theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Quyết định số 465/QĐ-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Bộ Tiêu chí quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan và các Điều 32, Điều 34, Điều 35, Điều 36 và Điều 37 Quyết định số 464/QĐ-BTC ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Quy định quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí Thư;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu: VT, TCHQ (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Vũ Thị Mai